



TÁI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI - TỪ NHẬN THỨC, TƯ DUY LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

NGUYỄN THỊ KIM ĐOÀN¹

Tóm tắt

Tái cơ cấu nền kinh tế là yêu cầu khách quan và tất yếu trong tiến trình phát triển của mọi quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Trải qua 50 năm kể từ ngày thống nhất đất nước (1975-2025), Việt Nam đã liên tục điều chỉnh, tái cấu trúc nền kinh tế để thích ứng với sự chuyển động nhanh chóng của thế giới và đáp ứng yêu cầu nội tại. Việc tổng kết quá trình cơ cấu lại nền kinh tế cả về lý luận và thực tiễn không chỉ nhằm đánh giá thành tựu và hạn chế mà còn là cơ sở khoa học cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới, trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và yêu cầu tăng trưởng xanh, bền vững.

Từ khóa: *Tái cơ cấu kinh tế, mô hình tăng trưởng, thời kỳ đổi mới*

RESTRUCTURING VIET NAM'S ECONOMY IN THE RENOVATION PERIOD: FROM THEORETICAL PERCEPTION TO PRACTICAL IMPLEMENTATION

Summary

Economic restructuring is an objective and inevitable requirement in the development process of every nation, particularly for developing countries such as Viet Nam. Over the 50 years since national reunification (1975-2025), Viet Nam has continuously adjusted and restructured its economy to adapt to the rapid global changes and meet internal demands. Summarizing the process of economic restructuring, both theoretically and practically, not only helps assess achievements and limitations but also provides a scientific foundation for shaping socio-economic development orientations in the new period, in the context of globalization, digital transformation, climate change, and the pursuit of green and sustainable growth.

Keywords: *Economic restructuring, growth model, reform period*

Ngày nhận bài: 05/9/2025; Ngày hoàn thiện biên tập: 02/10/2025; Ngày duyệt đăng: 06/10/2025

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-2025), Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng về tăng trưởng kinh tế, đời sống người dân được cải thiện và từng bước hội nhập có hiệu quả vào nền kinh tế thế giới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII chỉ rõ “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng hiệu quả chưa cao, cùng với những vấn đề mới nảy sinh và biến động khó lường của nền kinh tế thế giới... đã và đang đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiếp tục đánh giá, tổng kết thực tiễn, hoàn thiện và phát triển nhận thức, tư duy lý luận, đồng thời có các giải pháp tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC, TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam qua các kỳ đại hội của Đảng

Tại Đại hội VI, Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, đổi mới cơ cấu và cơ chế quản lý, triển khai ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đây là bước ngoặt quan trọng, đặt nền móng cho quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội XI, Đảng xác định rõ hơn yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, hướng tới nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tập trung vào cơ cấu lại đầu tư công, thị trường tài chính và doanh nghiệp nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Cụ thể hóa quan điểm trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 phê duyệt đề án về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi

¹ TS., Phó trưởng khoa Kinh tế - Xã hội và Môi trường, Học viện Chính trị khu vực III

mô hình tăng trưởng giai đoạn 2013-2020 đã tạo khuôn khổ pháp lý cho quá trình tái cơ cấu kinh tế.

Đến Đại hội XII Đảng ta tiếp tục đề ra nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016), chú trọng phát triển bền vững và nâng cao chất lượng nguồn lực, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư công, tài chính - ngân hàng, ngân sách, nợ công, doanh nghiệp nhà nước và nông nghiệp.

Đến Đại hội XIII, quan điểm cơ cấu lại nền kinh tế được nâng lên một tầm cao mới, mang tính toàn diện, chiến lược và hội nhập sâu rộng. Đảng nhấn mạnh yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, trong đó nguồn lực trong nước là quyết định, nguồn lực quốc tế là quan trọng.

Sự phát triển nhận thức, tư duy lý luận của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế

(1) Hình thành và từng bước hoàn thiện tư duy lý luận về cơ cấu lại nền kinh tế. Từ chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới cơ chế quản lý, Đảng ta đã phát triển nhận thức theo hướng gắn cơ cấu lại nền kinh tế với đổi mới mô hình tăng trưởng, trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mục tiêu là tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tiến bộ, hiện đại, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Đây là quá trình nhiều cấp độ, bao quát từ cơ cấu ngành, vùng, lĩnh vực đến cơ chế vận hành, phân bổ và sử dụng nguồn lực, cơ cấu sở hữu và hệ thống quản trị vĩ mô, qua đó tạo ra chuyển biến căn bản trong mô hình tăng trưởng và động lực phát triển kinh tế đất nước.

(2) Hình thành quan điểm mới về cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hợp lý, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của đất nước và từng vùng, miền. Quá trình cơ cấu lại được triển khai đồng bộ giữa các ngành, các cấp, hướng tới đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

(3) Xác định được các trụ cột chính của cơ cấu lại nền kinh tế, gồm: (i) Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm: các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư công; (ii) Cơ cấu lại các ngành theo hướng phát triển những ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới; (iii) Cơ cấu lại nền kinh tế để đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động nhằm hiện đại hóa nền kinh

tế, nâng cao sức cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh.

(4) Đưa tư duy cơ cấu lại nền kinh tế vào hành động thực chất và hiệu quả. Trên cơ sở các chủ trương, giải pháp lớn của Đảng về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình cụ thể để triển khai đồng bộ. Nhờ đó, các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu về cơ cấu lại nền kinh tế cơ bản được hoàn thành, góp phần cải thiện chất lượng tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế chuyển dần từ tăng trưởng dựa vào tín dụng, đầu tư mở rộng sang dựa vào cải cách thể chế, đổi mới sáng tạo và năng suất lao động; hiệu quả đầu tư được nâng cao, khu vực doanh nghiệp nhà nước thu hẹp hợp lý, trong khi khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò động lực quan trọng của nền kinh tế.

Những hạn chế trong nhận thức và tư duy lý luận

(i) Nhận thức về một số vấn đề cốt lõi trong cơ cấu lại nền kinh tế vẫn chưa thật sâu sắc, đặc biệt là về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường, vai trò của doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế tư nhân. Nội hàm của cơ cấu lại nền kinh tế vẫn chưa được xác định đầy đủ và gắn kết chặt chẽ với các vấn đề trọng tâm khác như: Khai thác tiềm năng, thế mạnh vùng kinh tế trọng điểm; thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kinh tế đô thị; hay chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Do đó, nhiều nhiệm vụ và giải pháp còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa phát huy hiệu quả nguồn lực đặc thù của từng vùng, từng địa phương, dẫn đến hạn chế trong việc tạo ra các đột phá chiến lược cho tăng trưởng và phát triển bền vững.

(ii) Công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn cơ cấu lại nền kinh tế qua các giai đoạn đã được triển khai đúng định hướng, góp phần bổ sung, phát triển tư duy lý luận của Đảng và hoàn thiện cơ chế, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, các báo cáo tổng kết vẫn chưa làm rõ nguyên nhân sâu xa của những hạn chế, yếu kém cả về khách quan lẫn chủ quan; chưa phân tích đầy đủ các cơ hội và thách thức mới đặt ra trong bối cảnh phát triển và hội nhập. Điều này khiến cho một số đề xuất, giải pháp chưa thật sự sát thực tiễn, thiếu tính định hướng chiến lược cho quá trình cơ cấu lại nền kinh tế trong giai đoạn tới.

(iii) Hệ thống thể chế và chính sách điều hành thiếu đồng bộ, mới chủ yếu tập trung vào cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực truyền thống, chưa chú trọng khai thác các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và dư địa phát triển mới để hình thành các ngành mũi nhọn có sức lan tỏa cao; chưa có những đột phá về thể chế cho cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, khiến động lực chuyển đổi còn hạn chế.

(iv) Cơ chế giám sát việc cơ cấu lại nền kinh tế chưa được phát huy đầy đủ. Cần thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ để các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt



là người đứng đầu, nhận thức rõ trách nhiệm chính trị của mình, vượt qua tư duy nhiệm kỳ và lợi ích cục bộ.

THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CỦA QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

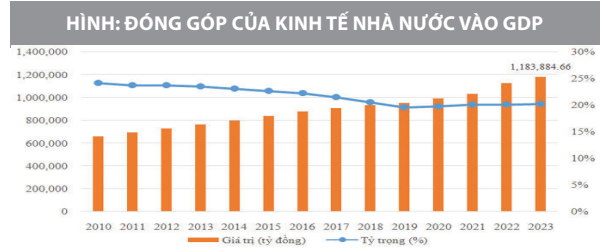
Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã tạo nên những bước chuyển quan trọng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy hội nhập quốc tế. Các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản hoàn thành; chất lượng tăng trưởng được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, sức chống chịu của nền kinh tế tăng lên. Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực tiễn cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết để bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và thích ứng với bối cảnh mới.

Những thành tựu cơ bản trên các lĩnh vực:

- Về cơ cấu ngành kinh tế: (i) Giai đoạn 1986-2000: Nền kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 38,06% xuống 24,5%, công nghiệp tăng từ 28,88% lên 36,7%, dịch vụ tăng từ 33,06% lên 38,7% (Tổng cục Thống kê, 2019). (ii) Giai đoạn 2001-2010: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ phát triển nhanh; đến năm 2010, nông nghiệp còn 18,4%, công nghiệp - xây dựng 41,1%, dịch vụ 40,5%. (iii) Giai đoạn 2011-2020: Chuyển dịch chậm lại do tác động khủng hoảng và yếu kém nội tại; năm 2020, nông nghiệp 14,9%, công nghiệp - xây dựng 34,5%, dịch vụ 40,5%. (iv) Giai đoạn 2021-2025: Chuyển dịch theo hướng kinh tế số, xanh và tuần hoàn. Năm 2024, nông nghiệp còn 11,7% GDP, công nghiệp - xây dựng 38,2%, dịch vụ 50,1% (Nguyễn Thị Hương, 2025).

- Về cơ cấu thành phần kinh tế: (i) Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong những ngành then chốt, đóng góp khoảng 28% GDP năm 2024 (Hình), tập trung vào năng lượng, tài chính, hạ tầng chiến lược; (ii) Kinh tế tư nhân phát triển mạnh từ sau Luật Doanh nghiệp 2000, trở thành động lực chính, đóng góp 50% GDP năm 2024; (iii) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng trưởng nhanh, chiếm khoảng 20% GDP và hơn 72% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2024, nhưng liên kết nội địa còn yếu, tình trạng chuyển giá vẫn diễn ra; (iv) Kinh tế tập thể và hộ gia đình dần được tái cơ cấu, nhưng tỷ trọng giảm, nhất là trong nông nghiệp do sức ép hội nhập và cạnh tranh (Tổng cục Thống kê, 2024).

- Về cơ cấu vùng và lãnh thổ: Trước 2000, phát triển mất cân đối, tập trung ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, các vùng khác phát triển chậm. Từ 2001-2020, hình thành các vùng kinh tế trọng điểm (Bắc Bộ, miền Trung, phía Nam), khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp tập trung. Đông Nam Bộ dẫn đầu về thu hút FDI và giá trị sản xuất công nghiệp; Đồng bằng sông Hồng phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ; Đồng bằng sông Cửu Long vẫn chủ yếu nông nghiệp. Giai đoạn 2021-2025, chuyển dịch mạnh sang mô hình phát triển liên kết vùng và kinh tế biển.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Đông Nam Bộ vẫn là đầu tàu; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung phát triển logistics và du lịch; Tây Nguyên tập trung nông nghiệp công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Những vấn đề đặt ra về cơ cấu cấu lại nền kinh tế:

(i) Nguồn thu ngân sách chưa bền vững, chi thường xuyên tăng nhanh hơn chi đầu tư phát triển; vốn cho nền kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào tín dụng ngân hàng, trong khi hệ thống này còn yếu và đang trong quá trình tái cơ cấu. Độ mở kinh tế cao, phụ thuộc lớn vào đầu tư nước ngoài, khiến nền kinh tế dễ tổn thương trước biến động bên ngoài, dư địa chính sách hạn hẹp và sức chống chịu còn yếu.

(ii) Cơ cấu ngành kinh tế còn kém năng động, chưa có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu ngành kinh tế, về cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, về cơ cấu thị trường xuất khẩu...; chưa có các ngành nghề mới, sản phẩm mới nổi lên và có đóng góp lớn, đo lường được đối với tăng trưởng kinh tế, dẫn đến chưa có dịch chuyển đáng kể và phân bổ lại nguồn lực, nhất là đầu tư trong các ngành kinh tế.

(iii) Cơ cấu thành phần kinh tế chưa chuyển dịch hợp lý, khiến nền kinh tế kém cân bằng và dễ tổn thương. Kinh tế tư nhân chính thức còn nhỏ, tăng trưởng chậm; khu vực hộ kinh doanh, phi chính thức vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Một số tập đoàn tư nhân lớn đã xuất hiện, song tiềm ẩn rủi ro nhất định. Trong khi đó, khu vực kinh tế nhà nước, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục suy giảm vai trò và hiệu quả, chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ.

(iv) Cơ cấu kinh tế còn phân mảnh và thiếu liên kết: tồn tại khoảng cách giữa khu vực chính thức và phi chính thức, giữa các thành phần kinh tế. Mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI còn hạn chế, chưa tạo được sự hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau để hình thành một nền kinh tế thống nhất, gắn kết và lan tỏa hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

Trước những biến động nhanh chóng của nền kinh tế thế giới và yêu cầu phát triển mới của đất nước, việc cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Điều này không đơn thuần là sự điều chỉnh

cơ cấu ngành hay vùng lãnh thổ, mà là sự tái thiết toàn diện các nền tảng của nền kinh tế, từ thể chế, nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ đến kết cấu hạ tầng và quản trị phát triển. Hướng tới mục tiêu đó, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Đây là giải pháp nền tảng, mang tính đòn bẩy cho cơ cấu lại nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập sâu và tái tổ chức không gian phát triển. Việt Nam cần nhanh chóng thể chế hóa các cam kết từ các FTA thế hệ mới vào luật pháp, chính sách, nhất là về môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ và quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với giám sát minh bạch, giúp địa phương, đặc biệt các đơn vị mới sáp nhập, chủ động quy hoạch, huy động nguồn lực và lựa chọn ưu tiên phát triển, nhưng vẫn bảo đảm thống nhất chiến lược quốc gia. Cải cách hành chính phải được thúc đẩy theo hướng số hóa, tích hợp dữ liệu quốc gia, đơn giản thủ tục và giảm chi phí tuân thủ. Song song, phát triển đồng bộ các thị trường nhân tố sản xuất để phân bổ nguồn lực hiệu quả, dựa trên tín hiệu thị trường và gắn với mục tiêu công bằng xã hội.

Hai là, tái cơ cấu ngành và không gian kinh tế theo hướng hiện đại - xanh - số.

Đây là trụ cột then chốt để hình thành nền kinh tế cạnh tranh, bền vững và linh hoạt. Cần ưu tiên phát triển các ngành mũi nhọn có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh, các dịch vụ chất lượng cao (logistics, tài chính, giáo dục, y tế quốc tế). Thu hút đầu tư nước ngoài phải đi đôi với chuyển giao công nghệ, phát triển R&D và liên kết với doanh nghiệp trong nước. Quy hoạch theo mô hình “vùng động lực liên kết”, quy mô đủ lớn, hạ tầng đồng bộ, gắn với kinh tế biển, hành lang kinh tế xuyên biên giới và đô thị thông minh. Tập trung vào năng lực tái tạo, giao thông sạch, kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp carbon thấp. Kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới, thông qua hạ tầng số hiện đại, dữ liệu mở, điện toán đám mây và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, vừa chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo :

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011, 2016, 2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Lê Duy Bình (2025). Kinh tế tư nhân - động lực của nền kinh tế và tiến bộ xã hội, truy cập từ <https://nhandan.vn/kinh-te-tu-nhan-dong-luc-cua-nen-kinh-te-va-tien-bo-xa-hoi-post881726.html>
4. Nguyễn Thị Hương (2025). Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam từ năm 1986 đến nay, truy cập từ https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/05/Bai-viet-1-Chuyen-dich-co-cau-kinh-te-tu-1986-den-nay-30.4-1.pdf?utm_source=chatgpt.com..
5. Tổng cục Thống kê (2019). Tổng quan tình hình kinh tế xã hội năm 2018, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19041>, ngày 27-7-2019.
6. Tổng cục Thống kê (2024). Số liệu thống kê, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke>

Ba là, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo.

Việt Nam cần cải cách toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo nhằm trang bị kỹ năng số, kỹ năng xanh, năng lực quản trị hiện đại và tư duy sáng tạo cho lực lượng lao động. Cần tăng cường liên kết giữa nhà trường, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để đào tạo sát nhu cầu thị trường, đồng thời có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài mang tính cạnh tranh quốc tế, tạo môi trường làm việc sáng tạo và đãi ngộ linh hoạt. Khi nguồn nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo được nâng cao, Việt Nam có thể chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ, thay vì lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên.

Bốn là, tăng cường năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Là quốc gia chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, Nam cần tích hợp đầy đủ các kịch bản khí hậu trong quy hoạch quốc gia, vùng và ngành. Nông nghiệp cần chuyển đổi sang hướng carbon thấp, ứng dụng công nghệ tiết kiệm nước, năng lượng và mở rộng mô hình tuần hoàn. Đẩy mạnh huy động tài chính xanh, tận dụng các cơ chế quốc tế như JETP, Quỹ Khí hậu Xanh, trái phiếu xanh, mở rộng bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro khí hậu giúp ổn định sản xuất và sinh kế, kết hợp nguồn vốn công - tư cho đầu tư chuyển đổi xanh.

KẾT LUẬN

Trải qua gần bốn thập niên đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế quốc gia và thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới với yêu cầu chuyển đổi số, phát triển xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và cạnh tranh địa - chính trị gia tăng, nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế trở nên cấp thiết và toàn diện hơn. Đây là quá trình đòi hỏi tầm nhìn chiến lược, sự linh hoạt trong quản trị và đồng thuận xã hội sâu rộng, là nền tảng để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao trong những thập niên tới.■